

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN M'ĐRẮK
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2018/HNGĐ-ST
Ngày 04 - 7 - 2018
“V/v: Ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M'ĐRẮK, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Đức Hợi.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông: Ngô Trọng Búp

Ông: Nguyễn Văn Giang

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Xuân Quyết – Thư ký Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hải Bằng - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 7 năm 2018 tại hội trường Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 14/2018/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2018 về việc “Ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1986. Địa chỉ: Thôn H, xã C, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Chị T có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Hoàng Tấn P, sinh năm 1984. Địa chỉ: Thôn H, xã C, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Anh P vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

- *Người làm chứng:* Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1961. Địa chỉ: Thôn H, xã C, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Ông T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện ngày 01 tháng 3 năm 2018 và các lời khai của nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:*

Chị T và anh Hoàng Tấn P tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 19/08/2009 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Trong quá trình chung sống do bất đồng quan điểm, tính cách, lối sống nên vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, anh P không có trách nhiệm với vợ con. Chị T và anh P đã sống ly thân

với nhau từ năm 2013. Cho đến nay cuộc sống chung của chị và anh P không thể đoàn tụ được, nên chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh P.

Chị T và anh P có một con chung là Hoàng Thùy L, sinh ngày 29/4/2010. Chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung sau khi vợ chồng ly hôn và không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Bị đơn*: Tòa án đã tiến hành tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng, nhưng anh Hoàng Tấn P không đến tòa án để làm việc. Anh P cũng không cung cấp cho Tòa án một tài liệu chứng cứ nào liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

* *Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên*:

Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết, tư cách tham gia tố tụng của các đương sự trong vụ án. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án cũng như Hội đồng xét xử (HĐXX) tại phiên tòa đảm bảo đúng quy định về trình tự thủ tục tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng liên quan, đảm bảo đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự. Về nội dung, yêu cầu của nguyên đơn là chính đáng, nên cần chấp nhận.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại: thôn H, xã C, huyện M, tỉnh Đắk Lắk, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện M'Đrăk, tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn anh P vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Căn cứ điểm b, khoản 2, Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh P tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 19/08/2009 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện M, tỉnh Đắk Lắk là phù hợp với quy định của pháp luật. Do mâu thuẫn, nên vợ chồng đã không chung sống với nhau một thời gian dài. Qua xác minh tại gia đình và chính quyền địa phương thì nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến ly hôn là do hành vi xâm phạm nghiêm trọng đến quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh P đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích

hôn nhân không đạt được. Nên HĐXX áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình để giải quyết cho chị T được ly hôn với anh P.

[3] Về con chung: Chị T và anh P có một con chung là Hoàng Thùy L, sinh ngày 29/4/2010 hiện tại đang sống cùng chị T. Do điều kiện công việc anh P thường xuyên vắng mặt tại nơi cư trú, nên việc giao con cho anh P phần nào sẽ ảnh hưởng đến quyền lợi cũng như việc học tập của con, mặt khác cháu L có nguyện vọng được ở với mẹ. Vì vậy, để đảm bảo được quyền lợi về mọi mặt cho con, HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình để giao con cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục sau khi vợ chồng ly hôn.

[4] Về tài sản chung: Nguyên đơn chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét. Trong trường hợp có tranh chấp xảy ra sẽ được giải quyết bằng một vụ kiện riêng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nếu các đương sự có yêu cầu.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu tiền án phí Dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 147, Điều 220, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 56, khoản 2 Điều 81, 82, 83, 84 luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Hoàng Tấn P.

2. Về con chung: Giao cho chị T trực tiếp nuôi con Hoàng Thùy L, sinh ngày 29/4/2010 cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi).

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T chịu 300.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình. Được khấu trừ vào 300.000đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà chị T đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0004607 ngày 05/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M'Đrăk, tỉnh Đắk Lắk.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án Dân sự

sơ thẩm trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện M'Đrăk;
- THADS huyện M'Đrăk;
- UBND xã C, M'Đrăk;
- Đương sự;
- Lưu HS.

(Đã ký)

Võ Đức Hợi